

Số: /TTr-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Hội đồng nhân dân huyện thông qua Đề án phát triển nông nghiệp huyện Triệu Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện Triệu Sơn.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 24/7/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Sơn lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 61-NQ/HĐND ngày 25/12/2020 tại Kỳ họp thứ 16 HĐND huyện Triệu Sơn khoá XVII, nhiệm kỳ 2016-2021 về việc thông qua chủ trương xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp huyện Triệu Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 653-TB/HU ngày 26/5/2022 của Huyện ủy về kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy tại phiên họp thường kỳ tháng 5/2022.

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, thông qua Đề án phát triển nông nghiệp huyện Triệu Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy lợi thế vị trí địa lý của huyện Triệu Sơn để phát triển nền nông nghiệp ven đô, phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản; nâng cao hiệu quả sản xuất, thu nhập của người dân và góp phần phát triển kinh tế - xã hội huyện.

2. Các mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2022-2025:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân hàng năm đạt 3,8- 4,0%.

- Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm giữ ở mức 107 nghìn tấn.

- Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao năm 2025 đạt 1.500 ha, trong đó ứng dụng công nghệ cao đạt 170 ha.

- Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 170 triệu đồng.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2025 còn 23%.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo năm 2025 đạt 80%.
- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 ổn định 11,8%.
- Đến năm 2025 toàn huyện có 50 sản phẩm OCOP đạt 3 sao cấp tỉnh trở lên.

2.2. Giai đoạn 2026-2030:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân hàng năm đạt 3,5%.
- Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm giữ ở mức 95 nghìn tấn.
- Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 190-210 triệu đồng.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2030 còn 18%.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo năm 2030 đạt 87%.
- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2030 ổn định 11,8%.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Trồng trọt

1.1. Cây lúa:

- Đến năm 2025 chuyển đổi linh hoạt 1.710 ha đất lúa sang trồng cây khác hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản. Từ năm 2026 đến năm 2030 tiếp tục chuyển đổi linh hoạt 1.670 ha đất lúa sang trồng cây khác hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản. Tổng diện tích đất lúa chuyển đổi linh hoạt đến năm 2030 là 3.380 ha.

- Đến năm 2025 tổng diện tích gieo cấy lúa đạt 17.269 ha, trong đó diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao khoảng 12.000 ha (trong đó có khoảng 200 ha sản xuất lúa giống). Sản lượng lúa đạt 102.516 tấn, ngoài tiêu dùng trong huyện sẽ còn dư khoảng 36.000 tấn cung cấp ra thị trường.

- Đến năm 2030 tổng diện tích gieo cấy lúa đạt 14.954 ha, trong đó diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao khoảng 11.500 ha (trong đó có khoảng 200 ha sản xuất lúa giống). Sản lượng lúa đạt 90.301 tấn, ngoài tiêu dùng trong huyện sẽ còn dư khoảng 22.576 tấn cung cấp ra thị trường.

1.2. Cây ngô:

Đến năm 2025 tổng diện tích gieo cấy ngô thâm canh 1.000 ha (chủ yếu ở vụ Đông trên đất 2 lúa và phục vụ làm thức ăn chăn nuôi). Năng suất ngô hạt

bình quân đạt 47 tạ/ha; năng suất ngô làm thức ăn chăn nuôi đạt 30 tấn/ha. Đến năm 2030 ổn định diện tích gieo cấy ngô 1.000 ha.

1.3. Cây rau các loại:

- Đến năm 2025 diện tích gieo trồng đạt khoảng 2.815 ha, năng suất bình quân 139,8 tạ/ha; sản lượng 39.359 tấn. Đến năm 2030 diện tích gieo trồng đạt khoảng 3.092 ha, năng suất bình quân 158 tạ/ha; sản lượng 48.842 tấn.

- Xây dựng và hình thành các vùng chuyên canh sản xuất rau hàng hoá, ứng dụng công nghệ cao để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và thu nhập cho người nông dân.

1.4. Hoa, cây cảnh:

- Hình thành được vùng sản xuất hoa, cây cảnh tập trung, đưa sản xuất hoa, cây cảnh trở thành một trong những thế mạnh của huyện.

- Đến năm 2025: Sản xuất hoa, cây cảnh đạt khoảng 500 ha, trong đó sản xuất trong nhà lưới với diện tích 50 ha; xây dựng làng nghề hoa cây cảnh xã Hợp Lý. Đến năm 2030 diện tích sản xuất hoa, cây cảnh đạt khoảng 700 ha, trong đó sản xuất trong nhà lưới với diện tích khoảng 100 ha. Xây dựng cơ sở hạ tầng và cảnh quan để thu hút khách du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm.

1.5. Cây ăn quả:

Đến năm 2025, diện tích cây ăn quả đạt 1.200 ha, trong đó diện tích cho sản phẩm khoảng 950 ha; hình thành một số vùng sản xuất tập trung với cây chủ lực gồm: Mít, xoài, ổi, chanh leo. Cây trong vườn nhà gồm: Mít, cam, bưởi. Đến năm 2030, diện tích cây ăn quả đạt khoảng 1.500 ha, trong đó diện tích cho sản phẩm khoảng 1.200 ha.

1.6. Cây chè:

- Thay thế có kế hoạch các giống chè cũ hiện có (PH1, LPD1, LPD2) bằng chè giống mới vừa chế biến được chè xanh vừa chế biến được chè đen cho hiệu quả kinh tế cao.

- Năm 2025 diện tích chè đạt 420 ha (trong đó diện tích giống mới đạt 40% và sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap); diện tích cho thu hoạch đạt 368 ha, năng suất đạt 64 tạ/ha, sản lượng đạt 2.372 tấn chè búp tươi (tương đương 475 tấn chè khô).

- Năm 2030 diện tích chè đạt 550 ha (trong đó diện tích giống mới 65-70% và sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap); diện tích cho thu hoạch đạt 487 ha, năng suất đạt 75 tạ/ha, sản lượng đạt 3.662 tấn chè búp tươi (tương đương 732 tấn chè khô).

2. Chăn nuôi

Tiếp tục phát huy thế mạnh ngành chăn nuôi của huyện, trong đó tập trung phát triển một số đối tượng chính là bò thịt, lợn và gia cầm (chủ yếu là gà). Năm 2025, sản lượng thịt hơi các loại đạt 18.000 tấn (trong đó thịt lợn 12.160 tấn); trứng 25,9 triệu quả. Năm 2030, sản lượng thịt hơi các loại đạt 23.000 tấn (trong đó thịt lợn 15.615 tấn); trứng 31,1 triệu quả.

2.1. Trâu, bò thịt:

Đến năm 2025 tổng đàn trâu 3.500 con, bò 13.500 con (trong đó tỷ lệ đàn bò lai chiếm 90,6%). Đến năm 2030 tổng đàn trâu 3.900 con, bò 16.000 con (tỷ lệ đàn bò lai chiếm 95%).

2.2. Lợn:

- Đến năm 2025, tổng đàn lợn có 80.000 con, trong đó: Lợn thịt 51.245 con, chiếm 64% tổng đàn; lợn hướng nạc có 56.240 con, chiếm 70,3% tổng đàn; lợn nái ngoại có 13.500 con; sản lượng thịt hơi đạt 12.160 tấn, sản phẩm lợn sữa đạt khoảng 300 ngàn con.

- Đến năm 2030, tổng đàn lợn có 94.000 con, trong đó: Lợn thịt 65.800 con, chiếm 70% tổng đàn; lợn hướng nạc có 79.900 con chiếm 85% tổng đàn; lợn nái ngoại có 13.800 con. Sản phẩm lợn sữa đạt khoảng 350 ngàn con.

2.3. Gà:

- Đến năm 2025: Tổng đàn đạt 1,2 triệu con. Từng bước phát triển chăn nuôi an toàn sinh học theo tiêu chuẩn ViệtGAP và chăn nuôi hữu cơ để tạo sản phẩm sạch.

- Đến năm 2030: Tổng đàn đạt 1,379 triệu con. Chuyển hẳn sang hình thức chăn nuôi an toàn sinh học, tăng số lượng sản phẩm hữu cơ trong chăn nuôi gà.

3. Thủy sản

- Tổng diện tích chuyên nuôi thủy sản đến năm 2025 là 1.250 ha; trong đó diện tích nuôi cá 1.000 ha, thủy sản khác 250 ha. Tổng sản lượng thủy sản đạt 2.600 tấn.

- Tổng diện tích chuyên nuôi thủy sản đến năm 2030 là 1.660 ha; trong đó diện tích nuôi cá 1.360 ha, thủy sản khác 300 ha. Tổng sản lượng thủy sản đạt 3.600 tấn.

4. Lâm nghiệp

Đến năm 2025 giữ vững 1.240,9 ha rừng phòng hộ, 3.207,1 ha rừng sản xuất và ổn định đến năm 2030. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 ổn định 11,8%.

5. Phát triển cây dược liệu

Đến năm 2025, đánh giá được thực trạng các loài cây dược liệu trên địa bàn huyện, phát triển khoảng 200 ha cây dược liệu. Đến năm 2030 phát triển vùng trồng cây dược liệu khoảng 500 ha với những cây dược liệu có giá trị kinh tế cao.

6. Phát triển các sản phẩm OCOP

Đến năm 2025 toàn huyện có từ 50 sản phẩm OCOP 3 sao cấp tỉnh trở lên, có từ 2 sản phẩm OCOP cấp quốc gia trở lên, mỗi xã có ít nhất 1 sản phẩm OCOP cấp tỉnh trở lên.

III. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

1. Giai đoạn 2016-2020 tổng vốn đầu tư cho nông lâm thủy sản của huyện là 564,8734 tỷ đồng, chiếm 5,8 % tổng vốn đầu tư toàn xã hội (9.745 tỷ đồng).

2. Dự kiến tổng vốn đầu tư cho lĩnh vực nông lâm thủy sản giai đoạn 2022-2025 là 1.200 tỷ đồng, chiếm 6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2025

Tổng vốn đầu tư 10 dự án ưu tiên dự kiến là 392 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách huyện và xã 253 tỷ đồng; vốn khác 139 tỷ đồng. Cụ thể:

1. Dự án “Lập bản đồ thổ nhưỡng - nông hóa và đề xuất phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045”. Tổng vốn dự kiến khoảng 3,5 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách huyện 3,5 tỷ đồng.

2. Dự án “Xây dựng vùng chuyên đổi số trong sản xuất và tiêu thụ một số nông sản chính có lợi thế tại huyện Triệu Sơn”. Tổng vốn dự kiến khoảng 11,5 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách huyện 6,5 tỷ đồng, vốn khác 5 tỷ đồng.

3. Dự án “Xây dựng vùng sản xuất lúa gạo hàng hóa ứng dụng công nghệ cao tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa”. Tổng vốn dự kiến khoảng 94,8 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách huyện 67,8 tỷ đồng, vốn khác 27 tỷ đồng.

4. Dự án “Xây dựng vùng sản xuất và tiêu thụ rau an toàn ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin kết nối cung cầu theo hướng bền vững tại huyện Triệu Sơn”. Tổng vốn dự kiến khoảng 113,5 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách huyện 53,5 tỷ đồng, vốn khác 60 tỷ đồng.

5. Dự án “Xây dựng vùng sản xuất một số cây ăn quả có thể mạnh (xoài, mít, cây có múi, chuối) theo tiêu chuẩn VietGAP tại huyện huyện Triệu Sơn”. Tổng vốn dự kiến khoảng 27 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách huyện 21 tỷ đồng, vốn khác 6 tỷ đồng.

6. Dự án “Xây dựng vùng sản xuất cây cảnh (đào, quất) tập trung tại huyện Triệu Sơn”. Tổng vốn dự kiến khoảng 51 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách huyện 41 tỷ đồng, vốn khác 10 tỷ đồng.

7. Dự án “Xây dựng vùng sản xuất, chế biến chè xanh an toàn theo hướng VietGAP gắn với du lịch cộng đồng tại huyện Triệu Sơn”. Tổng vốn dự kiến khoảng 28,5 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách huyện 18,5 tỷ đồng, vốn khác 10 tỷ đồng.

8. Dự án “Xây dựng vùng nuôi cá nước ngọt theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với chuỗi giá trị tiêu thụ sản phẩm tại huyện Triệu Sơn”. Tổng vốn dự kiến khoảng 30 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách huyện 23 tỷ đồng, vốn khác 7 tỷ đồng.

9. Dự án “Xây dựng mô hình chuỗi sản xuất - cung ứng sản phẩm chăn nuôi (thịt bò, thịt lợn, thịt gà, thỏ...) đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm huyện Triệu Sơn”. Tổng vốn dự kiến khoảng 20,2 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách huyện 15,2 tỷ đồng, vốn khác 5 tỷ đồng.

10. Dự án “Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm”. Tổng vốn dự kiến khoảng 12 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách huyện 3 tỷ đồng, vốn khác 9 tỷ đồng.

V. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế

- Đưa tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản bình quân năm giai đoạn 2021 - 2025 đạt 3,8%, trong đó: Nông nghiệp tăng 3,79%, Lâm nghiệp tăng 2,74% và Thủy sản tăng 9,98 %; Định hướng giai đoạn 2026 - 2030 tốc độ tăng bình quân năm đạt 3,5% trở lên, trong đó: Nông nghiệp tăng 3,33 %, Lâm nghiệp tăng 1,91% và Thủy sản tăng 7,17%.

- Tổng giá trị sản xuất ngành Nông- Lâm - Thủy sản (giá SS 2010) năm 2025 đạt 2.372 tỷ đồng, trong đó giá trị sản phẩm trồng trọt khoảng 1.510 tỷ đồng; đến năm 2030 đạt 2.853 tỷ đồng, trong đó giá trị sản phẩm trồng trọt khoảng 1.864 tỷ đồng.

- Giá trị sản xuất trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 170 triệu đồng (CTHD ĐH 150 triệu đồng), đến năm 2030 ước đạt từ 190-210 triệu đồng.

- Hàm lượng khoa học có trong các sản phẩm nông sản của huyện ngày càng tăng và có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước với các sản phẩm sạch, chất lượng cao, giá thành hạ, vệ sinh an toàn thực phẩm. Một số sản phẩm nông nghiệp có thể tham gia xuất khẩu thu ngoại tệ như: lúa chất lượng cao, rau quả chế biến, chè, và dược liệu...

2. Hiệu quả xã hội

- Chuyển dịch lực lượng lao động nông thôn sang lao động trong lĩnh vực công nghiệp, du lịch, thương mại phục vụ nông nghiệp. Tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, ổn định đời sống dân cư khu vực nông thôn.

- Khai thác hiệu quả các loại đất sản xuất nông - lâm - thủy sản, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá nông, lâm sản có giá trị kinh tế cao, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Đảm bảo an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng, tạo thực phẩm sạch, an toàn, bổ dưỡng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.

- Tạo bước chuyển lớn trong sản xuất nông, lâm và thủy sản với giá trị sản xuất cao trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp. Nâng cao trình độ, năng lực của người lao động,

3. Hiệu quả về môi trường

Sản xuất Nông - Lâm - Thủy sản theo hướng an toàn sinh học, môi trường được cải thiện theo hướng xanh, sạch, đẹp, giữ vững tỷ lệ che phủ rừng.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đề án đưa ra 9 hệ thống các giải pháp chủ yếu góp phần thực hiện tốt các nội dung của đề án gồm: (1) Công tác thông tin, tuyên truyền, (2) Bố trí đất đai

và xác lập vùng sản xuất tập trung, (3) Giải pháp về sản xuất, chế biến, bảo quản, (4) Giải pháp ứng dụng khoa học - công nghệ, đào tạo, tập huấn, khuyến nông, (5) Giải pháp về hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, (6) Giải pháp về tổ chức sản xuất, hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, (7) Giải pháp về xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và phát triển thị trường, (8) Giải pháp về nguồn vốn, tín dụng, (9) Giải pháp về cơ chế chính sách, trong đó: Giải pháp khoa học kỹ thuật là then chốt; giải pháp về vốn làm động lực phát triển; giải pháp về cơ chế chính sách là công cụ trực tiếp cho phát triển.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện:

1. Giao UBND huyện phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Giao Thường trực HĐND, các ban của HĐND, các đại biểu HĐND huyện kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, nếu có vấn đề phát sinh, UBND huyện phối hợp với Thường trực HĐND huyện giải quyết và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện giám sát và tuyên truyền vận động mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các nội dung, chương trình của Đề án.

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, NN.

**TM. UBND HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính